TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2020/HS-PT
Ngày: 23-3-2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Bùi Đăng Huy**

Các Thẩm phán: Ông **Vũ Thanh Tuấn**

Bà **Phạm Thị Khánh Thiện**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Phạm Thị Minh Hiền** - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương: Ông **Phạm Văn Vững -** Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 3 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 226/2019/TLPT-HS ngày 11 tháng 12 năm 2019 đối với bị cáo Đặng Văn D do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án sơ thẩm số 46/2019/HS-ST ngày 29 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Hải Dương.

- Bị cáo có kháng cáo:

Họ và tên: **Đặng Văn D,** sinh năm 1979 tại xã T, huyện N, tỉnh Hải Dương;

Nơi cư trú: Thôn C, xã T, huyện N, tỉnh Hải Dương.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đặng Văn D và bà Nguyễn Thị M; có vợ là Nguyễn Thị H, sinh năm 1983 và có 02 con, con lớn sinh năm 2003, con nhỏ sinh năm 2009.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân:

- Bản án số 28 ngày 29/11/ 2001 bị Tòa án nhân dân huyện N xử 07 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 14 tháng về tội Gây rối trật tự. Đã chấp hành xong ngày 20/02/2002.

- Bản án số 62 ngày 21/11/2007 của Tòa án nhân dân huyện N xử phạt 08 tháng 27 ngày tù về tội Đánh bạc. Đã chấp hành xong hình phạt tù ngày 08/10/2008 và chấp hành xong Quyết định của bản án ngày 18/4/2008.

Hiện bị cáo tại ngoại và đang chấp hành Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo có đơn xin xét xử vắng mặt, vắng mặt tại phiên tòa.

- *Người bào chữa cho bị cáo Dương:* Ông Nhâm Mạnh H – Luật sư của Công ty Luật TNHH luật G, thuộc Đoàn luật sư Hà Nội. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Ngoài ra còn bị cáo Nguyễn Ngọc S không có kháng cáo và không bị kháng nghị, không được triệu tập đến phiên tòa.

- *Bị hại:* Ủy ban nhân dân xã M, huyện N, tỉnh Hải Dương.

Người đại diện theo pháp luật: Chủ tịch UBND xã M là ông Nguyễn Khắc H;

Người đại diện theo ủy quyền: Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1977 – Là cán bộ văn hóa, xã hội xã M;

Trú tại: Thôn U, xã M, huyện N, tỉnh Hải Dương.

Người bị hại, người đại diện theo ủy quyền vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Chiều ngày 23-6-2019, Nguyễn Ngọc S trên đường đi làm về có đi qua sân vận động xã M, Sánh quan sát thấy cánh cổng của sân vận động được làm bằng sắt, thép hộp, sơn phủ màu xanh rêu, kích thước 2,2m x 1,7m/cánh, khối lượng mỗi cánh là 74kg đang mở, không có người trông coi nên S đã nảy sinh trộm cắp cánh cổng này để bán lấy tiền chi tiêu cá nhân. Khoảng 18 giờ, ngày 24-6-2019, S đến nhà Đặng Văn D và nhờ D tối giúp hộ chút việc. D hỏi S việc gì, ở đâu nhưng S không nói nội dung cụ thể mà chỉ bảo "Việc ở dốc đê đoạn nghĩa trang M, xong việc em sẽ chở anh về ngay". D nói "để xem thế nào đã, sợ con nhỏ ở nhà không đi được". Sau đó S đi về nhà mình, đến khoảng 22 giờ cùng ngày, S lấy 01 chiếc xà beng, 01 chiếc kìm cộng lực để lên trên xe mô tô nhãn hiệu Union màu sơn xám, biển số 89F1-9042 gắn xe lôi ở sau rồi điều khiển xe đi đến nhà D. Khi đi gần đến nhà D, S dùng điện thoại của mình gọi cho D ra cổng. D đi ra ngoài cổng và lên xe của S, S điều khiển xe chở D đến cổng chính sân vận động xã M rồi dừng lại. Tại đây, D ngồi trên xe ngoài rìa đường để cảnh giới, còn S cầm xà beng đi vào bẩy cánh cổng sân vận động phía bên trái. Khi Sánh đang bẩy cánh cổng quan sát thấy có đèn xe máy đi đến thì D

bảo "có xe đến đấy", S bỏ xà beng xuống không bẩy cánh cổng nữa mà đi ra chỗ anh D ngồi. Sau khi ánh đèn xe máy đi khuất, S quay lại tiếp tục dùng xà beng bẩy cánh cổng bên trái, khi bẩy lên thấy nặng lên S dùng xà beng chọc vào bản lề của cánh cổng, được một lúc thì cánh cổng lung lay có thể tháo ra được. S gọi D ra đỡ cánh cổng xuống và cùng khiêng cánh cổng đặt lên xe của S. Sau đó S tiếp tục dùng cách thức như trên để tháo chiếc cánh cổng thứ 2 và cùng D khiêng cánh cổng thứ hai để đặt lên xe. Sau khi tháo xong, D ngồi lên xe, S điều khiển xe chở D cùng hai cánh cổng và chiếc xà beng, kìm cộng lực đi về đê T. Khi đi đến gần nhà thì D xuống xe để đi bộ về nhà, còn S tiếp tục điều khiển xe đi từ đê T theo đường 5B qua cầu H sang thành phố H. Khoảng 0 giờ 30 phút, ngày 25-6-2019, khi đi đến đường Quốc lộ 5 đoạn gần khu công nghiệp Đại An thuộc địa phận thành phố H thì S bị tổ tuần tra Công an thành phố H phát hiện mời về trụ sở để làm việc. Sau đó bàn giao cho cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện N theo thẩm quyền. Quá trình làm việc ban đầu với Công an thành phố H cũng như công an huyện N, S có khai nhận là chở thuê cho một người tên L mở xưởng cơ khí ở đường Nguyễn Đức S, thị trấn N gần khu vực chợ H, N, N và V ở M, N, H nhưng Công an huyện N xác minh không có người tên V, Lnhư S đã khai. S khai thực hiện hành vi trộm cắp cùng với Nguyễn Đức T, sinh năm 1989 là người cùng thôn nhưng qua quá trình xác minh thì trưa ngày 24-6-2019 anh T đã đi chữa bệnh tại Hải Phòng. Quá trình đấu tranh đến ngày 30-7-2019, S đã khai nhận toàn bộ diễn biến hành vi phạm tội của mình cùng D vào đêm ngày 24, rạng ngày 25-6-2019.

Vật chứng thu giữ: 01 xe máy nhãn hiệu Union màu sơn xám, biển số 89F1- 9042; 01 xe lôi hai bánh; 02 cánh cổng làm bằng sắt kích 2,2 x1,7m/cánh, khối lượng 74 kg; 01 kìm cộng lực dài 2,8 cm làm bằng kim loại; 01 xà beng dài 1,2 m làm bằng kim loại.

Tại Bản kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự của Hội đồng định giá tài sản UBND huyện N số 17 ngày 01-8-2019, kết luận: 02 cánh cổng làm bằng sắt, thép hộp sơn phủ màu xanh rêu, kích thước 2,2 x1,7m/cánh, khối lượng 74 kg, được làm mới năm 2017, tại thời điểm tháng 6 năm 2019 có giá 733.333 đồng/m2. Giá trị tài sản của 02 cánh cổng trên là 2,2 m x 1,7 x 02 cánh x 733.333 đồng/m2 = 5.485.331 đồng, làm tròn là 5.485.000 đồng (Năm triệu bốn trăm tám mươi lăm nghìn đồng).

Tại bản án sơ thẩm số 46/2019/HS-ST ngày 29 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Hải Dương áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 1

Điều 47 BLHS và điểm a khoản 2 Điều 106 BLTTHS; khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016.

Tuyên bố bị cáo D phạm tội "Trộm cắp tài sản", xử phạt bị cáo 08 (tám) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án. Quyết định tiếp tục áp dụng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú để đảm bảo thi hành án.

Ngoài ra cấp sơ thẩm còn quyết định về tội danh, hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Ngọc S; xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 11/11/2019, bị cáo D kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, xin được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị cáo D vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt; Bị cáo vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo xin được giảm nhẹ hình phạt, xin được hưởng án treo. Bị cáo xuất trình được thêm tài liệu mới là Huy chương kháng chiến của bố bị cáo, Đơn xin giảm nhẹ hình phạt của người bị hại.

- Ông Nhâm Mạnh H - Người bào chữa cho bị cáo D xin xét xử vắng mặt nhưng đã gửi bài luận cứ và có quan điểm: Đề nghị HĐXX xem xét bị cáo D có thêm 02 tình tiết giảm nhẹ để giảm hình phạt và cho bị cáo D được hưởng án treo.

- VKSND tỉnh phát biểu:

+ Từ khi thụ lý, trong quá trình chuẩn bị xét xử phúc thẩm đến nay tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký và người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng.

+ Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo D tuy xuất trình thêm được 02 tình tiết giảm nhẹ mới tuy nhiên xét thấy mức án cấp sơ thẩm xử bị cáo là phù hợp vì vậy đề nghị HĐXX không chấp nhận kháng cáo của bị cáo D và y án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về tố tụng: Kháng cáo của bị cáo D trong thời hạn quy định tại Điều 333 BLTTHS nên hợp lệ và được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Về nội dung:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo D vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị cáo D chỉ kháng cáo về phần hình phạt, không kháng cáo về tội danh. HĐXX xét thấy lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm và phù hợp với tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Vậy đã có đủ căn cứ

kết luận: Ngày 24-6-2019, Nguyễn Ngọc S và Đặng Văn D đã có hành vi lén lút chiếm đoạt 02 cánh cổng làm bằng sắt, thép hộp sơn phủ màu xanh rêu, kích thước 2,2 x1,7m/cánh, khối lượng 74 kg của UBND xã M, huyện N, tỉnh Hải Dương. 02 cánh cổng được Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự định giá là 5.485.000 đồng. Do đó Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 BLHS là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2] Xét kháng cáo xin được giảm nhẹ hình phạt, xin được hưởng án treo của bị cáo D thì thấy: Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, đánh giá bị cáo D giữ vai trò thứ hai, giúp sức trong vụ án, đứng ngoài cảnh giới, cùng bị cáo S chiếm đoạt tài sản, bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Tại cấp phúc thẩm bị cáo cung cấp thêm tài liệu mới là Huy chương kháng chiến của bố bị cáo, người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên được hưởng thêm 02 tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 BLHS.

Xét thấy bị cáo D đã 02 lần được pháp luật giáo dục và 01 lần được cho hưởng án treo mặc dù 02 tiền án đã được xóa án tích nhưng bị cáo D vẫn tiếp tục phạm tội nên không đủ điều kiện được hưởng án treo vì vậy không có căn cứ chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo.

Tuy nhiên tài sản bị cáo trộm có giá trị không lớn, bị cáo đã ý thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, bị cáo xuất trình thêm 02 tình tiết giảm nhẹ chưa được cấp sơ thẩm xem xét áp dụng nên mức hình phạt 08 tháng tù đối với bị cáo là có phần nghiêm khắc. HĐXX thấy rằng cần giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo, vẫn đủ tác dụng giáo dục riêng, phòng ngừa chung và thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ khi hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

[4] Do sửa bản án sơ thẩm nên bị cáo D không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự;

1. Sửa một phần bản án sơ thẩm số 46/2019/HS-ST ngày 29 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Hải Dương.

Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật hình sự

Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Đặng Văn D phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Đặng Văn D **06** (Sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án. Quyết định tiếp tục áp dụng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú để đảm bảo thi hành án.

2. Về án phí: Bị cáo Đặng Văn D không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án 23/3/2020.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Phòng HSNV-CA tỉnh Hải Dương;
- Trại giam K – CA tỉnh HD;
- Sở Tư pháp tỉnh Hải Dương;
- TAND huyện N (2 bản);
- VKSND huyện N;
- Công an huyện N;
- THADS huyện N;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người bào chữa cho bị cáo;
- Lưu hồ sơ, Tòa Hình sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Bùi Đăng Huy

Các Thẩm phán **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Vũ Thanh Tuấn **Phạm Thị Khánh Thiện** **Bùi Đăng Huy**

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Phòng HSNV-CA tỉnh Hải Dương;
- Trại giam Kim Chi – CA tỉnh HD;
- Sở Tư pháp tỉnh Hải Dương;
- TAND huyện Nam Sách (2 bản);
- VKSND huyện Nam Sách;
- Công an huyện Nam Sách;
- THADS huyện Nam Sách;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ, Tòa Hình sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Bùi Đăng Huy